TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày: 04 – 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thừa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu P; tên gọi khác: N; sinh ngày: 06/10/1996 tại tỉnh T; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C (tên gọi khác: L), sinh năm 1972 và bà Ngô Thị G, sinh năm 1971; vợ, con: chưa có; tiền án: Có 01 tiền án (Bản án số 47/2020/HS-ST ngày 29/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/9/2021 đến ngày 01/10/2021 thì thay thế bằng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

+ Anh Trần Như T, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P,

tỉnh T. Vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh T.Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị T, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Anh Võ Văn M, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

+ Anh Võ Đại T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 25/8/2021 đến ngày 25/9/2021, Nguyễn Hữu P đã lợi dụng mối quan hệ bà con và sơ hở của bà Ngô Thị H để thực hiện 04 lần chiếm đoạt tài sản của bà H, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 25/8/2021, Nguyễn Hữu P điều khiển xe mô tô 75K1-471.71 (xe P mượn của anh Trần Như T) đến nhà của bà H. Lúc này trong nhà của bà H không có ai. P đi đến vị trí treo áo khoác của bà H ở góc nhà, lục tìm lấy chìa khóa trong túi áo, rồi P đi đến tủ gỗ ở phòng khách, mở cửa tủ ở bên phải lấy 02 hộp đựng kim loại vàng, bên trong có 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 04 chỉ; 01 tượng dây chuyền vàng 24K, có đính ngọc màu đỏ, trọng lượng 01 chỉ; 02 vòng đeo tay vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, có gắn ngọc màu đỏ. Sau khi chiếm đoạt, P khóa cửa tủ, để lại chìa khóa ở túi áo khoác của bà H rồi điều khiển xe mô tô 75K1-471.71 rời khỏi nhà bà H.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P nhờ Trần Như T điều khiển xe mô tô 75K1-471.71 chở P đi đến tiệm vàng H ở xã L, huyện P, tỉnh T. Tại đây, P đã bán số kim loại vàng đã chiếm đoạt được cho chị Phan Thị T (là chủ tiệm vàng H) được số tiền 21.700.000 đồng. Còn lại 02 hộp đựng kim loại vàng thì P vứt ở bên đường liên thôn cạnh trại hòm B, xã L, huyện P, tỉnh T.

Lần thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 18/9/2021, Nguyễn Hữu P điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số xe, xe P mượn của anh H) đi đến nhà bà H. Lúc này trong nhà bà H có anh Võ Văn M. P nói chuyện với anh M một lúc, lợi dụng lúc anh M không để ý, P đi đến vị trí treo áo khoác của bà H ở góc nhà, lục tìm lấy chìa khóa trong túi áo, rồi P đi đến tủ gỗ ở phòng khách mở cửa tủ ở bên phải lấy 01 hộp đựng kim loại vàng, bên trong có 01 nhẫn cà rá bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, có mặt ngọc màu trắng - đỏ - tím; 01 vòng đeo tay dạng trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ. Sau khi chiếm đoạt, P khóa cửa tủ, để lại chìa khóa ở túi áo khoác của bà H rồi điều khiển xe mô tô Sirius rời khỏi nhà bà H.

Đến khoảng 07 giờ ngày 19/9/2021, P đi đến tiệm vàng M ở chợ Lộc Sơn thuộc xã L, huyện P, tỉnh T bán 01 nhẫn cà rá bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, có mặt ngọc màu trắng - đỏ - tím cho chị Nguyễn Thị Thu H (là chủ tiệm vàng M) được số tiền 9.600.000 đồng. Chiều ngày 19/9/2021, P đi đến tiệm vàng H bán 01 vòng đeo tay dạng trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ cho chị Phan Thị T được số tiền 8.400.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần P đã bán được là số tiền 18.000.000 đồng. Đối với 01 hộp đựng vàng P đã vứt ở khu vực gần nhà của P.

Lần thứ ba: Khoảng ngày 23/9/2021, Nguyễn Hữu P điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số xe, xe P mượn của anh H) đi đến nhà bà H. Lúc này trong nhà có bà H. P đứng nói chuyện với bà H một lúc thì bà H đi ngủ. Lợi dụng lúc bà H không để ý, P đi đến vị trí treo áo khoác của bà H ở góc nhà, lục tìm lấy chìa khóa trong túi áo, rồi P đi đến tủ gỗ ở phòng khách mở cửa tủ ở bên phải lấy 01 hộp đựng kim loại vàng, bên trong có 02 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ. Sau khi chiếm đoạt, P khóa cửa tủ, để lại chìa khóa ở túi áo khoác cho bà H rồi điều khiển xe mô tô Sirius rời khỏi nhà bà H.

Sau đó, P đi đến tiệm vàng H bán số kim loại vàng đã chiếm đoạt cho chị Phan Thị T được số tiền 34.000.000 đồng. P sử dụng số tiền này mua từ tiệm vàng H 01 nhẫn kim loại vàng gắn tinh thể màu trắng, bên trong có khắc chữ "TD" với giá là 5.800.000 đồng. Đối với 01 hộp đựng vàng P đã vứt ở tiệm vàng H. Sau đó, Nguyễn Hữu P đã mượn của chị Nguyễn Thị Trà M số tiền 6.000.000 đồng. P đưa cho chị My giữ 01 nhẫn kim loại vàng gắn tinh thể màu trắng, bên trong có khắc chữ "TD" để làm tin.

Lần thứ tư: Khoảng 02 giờ ngày 25/9/2021, Nguyễn Hữu P điều khiển xe mô tô 75K1-515.62 (xe Phú mượn của Nguyễn Văn T) đến nhà của bà H. Lúc này trong nhà bà H không có ai. P đi đến vị trí treo áo khoác của bà H ở góc nhà, lục tìm lấy chìa khóa trong túi áo, rồi P đi đến tủ gỗ ở phòng khách mở cửa tủ ở bên phải lấy số tiền 11.520.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt, P khóa cửa tủ, để lại chìa khóa ở túi áo khoác cho bà H rồi rồi điều khiển xe mô tô 75K1-515.62 rời khỏi nhà bà H.

Ngày 25/9/2021, bà Ngô Thị H có đơn trình báo việc mất tài sản đến cơ quan công an. Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám, đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, gồm 02 bộ phận gắn lại với nhau, dùng để đựng kim loại vàng; 01 túi xách màu xám có 02 quai đeo, bên trong có 01 túi ni lông màu vàng; 01 nhẫn kim loại vàng có gắn ngọc màu đỏ - trắng - tím, bên trong có chữ NFP 99992; 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE màu đen có biển số 75K1-471.71, số khung RLHJF6322KZ182351, số máy JF63E2618908; 01 nhẫn kim loại vàng có gắn mặt tinh thể màu trắng, bên trong có chữ TD.

Tại Phiếu kết quả thử nghiệm số 011221.004/TNV76 ngày 01/12/2021 của

Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, kết luận về hàm lượng vàng trung bình và khối lượng vàng trung bình của 01 nhẫn kim loại màu vàng hình tròn gắn hạt chưa xác định được loại có màu đỏ-trắng-tím, bên trong có chữ "NFP99992" như sau: Hàm lượng vàng trung bình là 93,66% Au; khối lượng vàng trung bình là 7.2290g.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 80/HĐĐG-TS ngày 30/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện P xác định: 02 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, có giá trị 29.220.000 đồng; 01 tượng dây chuyền vàng 24K, có đính ngọc màu đỏ, trọng lượng 01 chỉ, có giá trị 4.870.000 đồng; 01 nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, có giá trị 9.740.000 đồng; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ, có giá trị 24.350.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 04 chỉ, có giá trị 19.480.000 đồng; 02 vòng đeo tay vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, có giá trị 9.740.000 đồng; 01 vòng đeo tay dạng trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, có giá trị 9.740.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, có gắn ngọc màu đỏ, có giá trị 4.870.000 đồng; 01 nhẫn cà rá bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, có mặt ngọc màu trắng - đỏ - tím, có giá trị 9.740.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 121.750.000 đồng.

- Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSPL ngày 22/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P bồi thường cho bà Ngô Thị H số tiền 106.630.000 đồng; Buộc bị cáo P phải trả cho chị Nguyễn Thị Trà M số tiền 6.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại xe mô tô biển số 75K1-471.71 hiệu AirBlade cho anh Trần Như T; Tịch thu tiêu hủy 01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, gồm 02 bộ phận gắn lại với nhau; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 nhẫn kim loại vàng có gắn mặt tinh thể màu trắng, bên trong có chữ TD, trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám cho bị cáo Nguyễn Hữu P nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án về phần dân sự.

- Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hữu P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của bà Ngô Thị H: Bà H đã nhận số tiền bồi thường là 16.900.000 đồng từ bị cáo P và gia đình. Nay bà H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền là 106.630.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến chị Nguyễn Thị Trà M: Yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền 6.000.000 đồng.

- Ý kiến anh Trần Như Th: Anh T không biết việc bị cáo P mượn xe để đi trộm cắp tài sản và cũng không biết Phú nhờ chở đi bán tài sản do trộm cắp mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu P, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Hữu P là cháu ruột của bà Ngô Thị H, bị cáo thường xuyên đến nhà bà H ở lại nên biết được bà H thường xuyên cất chìa khóa tủ ở trong túi áo. Lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của bà H, từ ngày 25/8/2021 đến ngày 25/9/2021, tại nhà của bà Ngô Thị H ở thôn A, xã L, huyện P, tỉnh T bị cáo P đã lén lút lục tìm chìa khóa, mở tủ và thực hiện 04 lần chiếm đoạt tài sản của bà Hường, gồm: 01 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 04 chỉ; 02 dây chuyền vàng 24K, trọng lượng mỗi chiếc 03 chỉ; 01 tượng dây chuyền vàng 24K, có đính ngọc màu đỏ, trọng lượng 01 chỉ; 01 vòng đeo tay dạng trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, có gắn ngọc màu đỏ; 01 nhẫn cà rá bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, có mặt ngọc màu trắng - đỏ - tím; 02 vòng đeo tay vàng 24K, trọng lượng mỗi vòng 01 chỉ; 01 nhẫn trơn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 lắc tay vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ và số tiền 11.520.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Hữu P đã chiếm đoạt của bà Ngô Thị H là 133.270.000 đồng.

Với hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt nêu trên, bị cáo Nguyễn Hữu P đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo P là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét bị cáo P đã cố ý phạm tội 04 lần về cùng một tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản. Qua tranh luận tại phiên tòa xác định trong thời gian xảy ra vụ án, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, không có tiền để sinh sống, bị cáo lấy số tiền chiếm đoạt được làm nguồn thu nhập để sử dụng ăn uống, tiêu xài cá nhân và mua sắm các vật dụng thiết yếu phục vụ nhu cầu cá nhân, do đó bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt "Có tính chất chuyên nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị cáo đã thực hiện 04 lần hành vi trộm cắp tài sản nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, tự thú về các hành vi phạm tội trước đó và có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Thị H đã nhận số tiền bồi thường 16.900.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 106.630.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Trà M có yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền 6.000.000 đồng. Xét thấy, các yêu cầu trên là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Đối với chị Nguyễn Thị Thu H đã nhận đủ số tiền 9.600.000 đồng bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Trần Như T, anh Huỳnh S và anh Nguyễn Văn T đã cho Nguyễn Hữu P mượn xe mô tô nhưng không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý đối với anh T, S, T.

Đối với bà Phan Thị T và chị Nguyễn Thị Thu H, vì không biết số kim loại vàng mà Nguyễn Hữu P đem bán là do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Đối với chị Nguyễn Thị Trà M không biết 01 nhẫn kim loại vàng gắn tinh thể màu trắng, bên trong có khắc chữ "TD" là do bị cáo P mua từ số tiền bán tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[7] Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 nhẫn kim loại màu vàng có gắn ngọc màu đỏ-trắng-tím, bên trong có chữ NFP99992 và 01 túi xách màu xám có 02 quai đeo (bên trong có 01 túi ni lông màu vàng) cho chủ sở hữu là bà Ngô Thị H. Không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 75K1-471.71 hiệu AirBlade màu đen của anh Trần Như T, do anh T không biết bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho anh T.

Đối với 01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, gồm 02 bộ phận gắn lại với nhau, dùng để đựng kim loại vàng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 nhẫn kim loại vàng có gắn mặt tinh thể màu trắng, bên trong có chữ TD là tài sản do mua bán sau khi thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám thuộc sở hữu của bị cáo Phú, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo P. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo bồi thường về dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (Ngày 28/9/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên xử: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P bồi thường cho bà Ngô Thị H số tiền 106.630.000 đồng; Buộc bị cáo P phải trả cho chị Nguyễn Thị Trà M số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử: Trả lại xe mô tô biển số 75K1-471.71 hiệu AirBlade cho anh Trần Như T; Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám cho bị cáo Nguyễn Hữu P nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 hộp nhựa màu đỏ, hình tròn, gồm 02 bộ phận gắn lại với nhau; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 nhẫn kim loại vàng có gắn mặt tinh thể màu trắng, mặt trong nhẫn có chữ TD.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 18/BBVC-CCTHADS ngày 23/02/2022 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.332.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND Phú Lộc;
- Chi cục THADS;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Xuân Huế